

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-06-2023.

V/v: “Ly hôn; tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đặng Quang Hoạch**

2. Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/5/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Bích T, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1972.

Hộ khẩu thường trú: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phan Thị Bích T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 20/5/1994; cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 12/6/2000 và cháu Nguyễn Trà M sinh ngày 22/11/2009. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và tạm thời bà không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông và bà Phan Thị Bích T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đông Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng đã có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con, không muốn gia đình đổ vỡ.

- Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 20/5/1994; cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 12/6/2000 và cháu Nguyễn Trà M sinh ngày 22/11/2009. Trường hợp ly hôn, ông đồng ý giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời ông sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phan Thị Bích T. Cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Bà T và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 20/5/1994; cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 12/6/2000 và cháu Nguyễn Trà M sinh ngày 22/11/2009. Giao cháu M cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm thời ông Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành và có khả năng lao động nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Bà T, ông T khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Bích T và ông Nguyễn Ngọc T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2000 và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện T (nay là huyện T), tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà T và ông T đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, dẫn đến cãi vã xung đột không hòa giải được. Bà T và ông T đã sống ly thân từ 2021 đến nay. Tuy nhiên, bà T yêu cầu được ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông T còn thương vợ con, không muốn gia đình đổ vỡ. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho các bên nhưng bà T cương quyết ly hôn với ông T. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng D, sinh ngày 20/5/1994; cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 12/6/2000 và cháu Nguyễn Trà M sinh ngày 22/11/2009. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Quá trình giải quyết vụ án, ông T xác định trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T và bà T ly hôn thì ông T đồng ý giao cháu M cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, cháu M cũng có nguyện vọng được sống chung với bà T. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu **Nguyễn Trà M, sinh ngày 22/11/2009** cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Đối với cháu D và cháu V đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà T, ông T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà T, ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù

hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phan Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Trà M, sinh ngày 22/11/2009** cho bà Phan Thị Bích T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông Nguyễn Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Ngọc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T, ông T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T, ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số **0002637 ngày 20/3/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Bích T, ông Nguyễn Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai
(Giấy CNKH số 47 ngày 29/9/2000);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm